BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐỀ ÁN

KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI, LẬP BẢN ĐỒ   
HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

Hà Nội - 2023

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**CỤC ĐĂNG KÝ VÀ DỮ LIỆU THÔNG TIN ĐẤT ĐAI**

ĐỀ ÁN  
KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI, LẬP BẢN ĐỒ   
HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

MỤC LỤC

[Phần 1: THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ ĐỀ ÁN KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI, LẬP BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 1](#_Toc153899738)

[I. TÊN DỰ ÁN 1](#_Toc153899739)

[II. CƠ SỞ PHÁP LÝ 1](#_Toc153899740)

[III. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 2](#_Toc153899741)

[IV. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN 3](#_Toc153899742)

[V. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN 3](#_Toc153899743)

[1. Bộ Tài nguyên và Môi trường 3](#_Toc153899744)

[2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an 4](#_Toc153899745)

[3. Nhiệm vụ thực hiện của địa phương 4](#_Toc153899746)

[VI. PHẠM VI THỰC HIỆN CỦA ĐỀ ÁN 5](#_Toc153899747)

[VII. THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 5](#_Toc153899748)

[1. Giai đoạn chuẩn bị: 5](#_Toc153899749)

[2. Giai đoạn thực hiện Đề án: 5](#_Toc153899750)

[3. Kế hoạch thực hiện Đề án 6](#_Toc153899751)

[*3.1. Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ tại Trung ương* 6](#_Toc153899752)

[*3.2. Kế hoạch thực hiện tại các địa phương* 7](#_Toc153899753)

[PHẦN 2: NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 8](#_Toc153899754)

[I. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG THÔNG TIN, TƯ LIỆU, TÀI LIỆU 8](#_Toc153899755)

[1. Tài liệu, số liệu kết quả thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất 8](#_Toc153899756)

[*1.1. Tài liệu, số liệu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019* 8](#_Toc153899757)

[*1.2. Tài liệu, số liệu thống kê đất đai từ năm 2020 đến năm 2023* 9](#_Toc153899758)

[2. Bản đồ địa chính 10](#_Toc153899759)

[3. Cơ sở dữ liệu đất đai 10](#_Toc153899760)

[4. Bản đồ địa giới hành chính của đơn vị hành chính các cấp 11](#_Toc153899761)

[II. NỘI DUNG THỰC HIỆN 14](#_Toc153899762)

[1. Bộ Tài nguyên và Môi trường 14](#_Toc153899763)

[2. Bộ Quốc phòng 17](#_Toc153899764)

[3. Bộ Công an 17](#_Toc153899765)

[4. Ủy ban nhân dân các cấp 17](#_Toc153899766)

[*4.1. Cấp tỉnh* 17](#_Toc153899767)

[*4.2. Cấp huyện* 18](#_Toc153899768)

[*4.3. Cấp xã* 19](#_Toc153899769)

[**III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN** 19](#_Toc153899770)

[1. Về tổ chức thực hiện 20](#_Toc153899771)

[2. Về nguồn nhân lực 20](#_Toc153899772)

[3. Về hạ tầng và công nghệ 20](#_Toc153899773)

[*3.1. Hạ tầng trang thiết bị* 20](#_Toc153899774)

[*3.2. Công nghệ* 21](#_Toc153899775)

[4. Về tài chính 21](#_Toc153899776)

[IV. SẢN PHẨM THỰC HIỆN 21](#_Toc153899777)

[1. Sản phẩm do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện 21](#_Toc153899778)

[*1.1. Sản phẩm chính* 21](#_Toc153899779)

[*1.2 Sản phẩm trung gian* 22](#_Toc153899780)

[2. Sản phẩm do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện 22](#_Toc153899781)

[3. Sản phẩm do Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện 22](#_Toc153899782)

[*3.1. Cấp tỉnh* 22](#_Toc153899783)

[*2.2. Cấp huyện* 23](#_Toc153899784)

[*2.3. Cấp xã* 23](#_Toc153899785)

[Phần 3: DỰ TOÁN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN 24](#_Toc153899786)

[I. CƠ SỞ LẬP DỰ TOÁN 24](#_Toc153899787)

[II. DỰ TOÁN CHI TIẾT 25](#_Toc153899788)

[III. NGUỒN KINH PHÍ 25](#_Toc153899789)

[Phần 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN 26](#_Toc153899790)

[1. Bộ Tài nguyên và Môi trường 26](#_Toc153899791)

[2. Bộ Quốc phòng và Bộ Công an 26](#_Toc153899792)

[3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 26](#_Toc153899793)

[4. Bộ Tài chính 26](#_Toc153899794)

[5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 27](#_Toc153899795)

[Phần 5: ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN 28](#_Toc153899796)

[I. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI 28](#_Toc153899797)

[II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG 28](#_Toc153899798)

[III. ĐÁNH GIÁ TÍNH BỀN VỮNG CỦA ĐỀ ÁN 28](#_Toc153899799)

[IV. KHẢ NĂNG RỦI RO CỦA ĐỀ ÁN 28](#_Toc153899800)

[Phần 6: PHẦN PHỤ LỤC 30](#_Toc153899801)

# **Phần 1: THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ ĐỀ ÁN KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI, LẬP BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024**

# **I. TÊN DỰ ÁN**

Đề án Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

# **II. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

­- Luật Đất đai năm 2013 (số 45/2013/QH ngày 29 ngày 11 tháng 2013);

- Luật Thống kê năm 2015 (số 89/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015);

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế để kiểm kê, đánh giá đầy đủ, thực trạng nguồn lực đất đai nhằm tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao”;

- Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội nghị lần thứ năm ban chấp hành Trung ương đảng khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao”;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình điều tra thống kê Quốc gia;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Quyết định số 388/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ chuyên môn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Quyết định số 1776/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt “Danh mục nhiệm vụ chuyên môn mở mới năm 2024”.

# **III. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất là một trong các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai, được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Đất đai năm 2013.

Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 nhằm đánh giá thực trạng tình hình sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính các cấp xã, huyện, tỉnh, các vùng kinh tế - xã hội và cả nước để làm cơ sở đánh giá tình hình quản lý đất đai của các cấp trong 5 năm qua và đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất; đồng thời làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2025 và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp giai đoạn 2021 – 2030 và lập kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2026 – 2030 của các cấp.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII của Ban chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW về “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao”, trong đó quan điểm chỉ đạo là *“4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai. Hiện đại hoá công tác quản lý, dịch vụ công về đất đai. Củng cố, hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy quản lý đất đai tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, tập trung, đồng bộ, thống nhất. Nâng cao vai trò và năng lực các cơ quan tư pháp trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai. Đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế; được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý với tầm nhìn dài hạn, hài hòa lợi ích giữa các thế hệ, các vùng, miền, giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Giải quyết tốt những bất cập, vướng mắc trong quản lý và sử dụng đất do lịch sử để lại và từ yêu cầu mới của thực tiễn”.*

Theo quy định tại Luật Đất đai năm 2013, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban chấp hành Trung ương việc kiểm kê đất đai năm 2024, việc kiểm kê đất đai năm 2024 là một công việc quan trọng, cấp thiết trong giai đoạn hiện nay cho công tác quản lý, sử dụng đất ngày càng hiệu quả, phát triển bền vững, phục vụ các mục tiêu về quản lý nhà nước về đất đai và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong giai đoạn mới.

# **IV. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN**

Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 nhằm đánh giá thực trạng tình hình sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính các cấp xã, huyện, tỉnh, các vùng kinh tế - xã hội và cả nước để làm cơ sở đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất đai của các cấp trong 5 năm qua và đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất; đồng thời làm cơ sở cho việc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và là cơ sở quan trọng để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Việc kiểm kê đất đai năm 2024 thực hiện theo quy định tại Điều 10 về phân loại đất của Luật Đất đai năm 2013, đồng thời trong kỳ kiểm kê đất đai này sẽ thực hiện đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng đất sân gôn (golf); cảng hàng không, sân bay; khu vực có nguy cơ sạt lở, bồi đắp và các chuyên đề khác tại các địa phương làm cơ sở để thực hiện các biện pháp tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đối với các loại đất này.

Làm cơ sở để đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật về đất đai. Kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 còn phục vụ cho các nội dung quản lý nhà nước về đất đai như: điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 và lập kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2026-2030 của các cấp; cung cấp số liệu để xây dựng niên giám thống kê các cấp và phục vụ nhu cầu thông tin đất đai cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo và các nhu cầu khác của Nhà nước và xã hội,…

# **V. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN**

## 1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

1.1. Xây dựng Đề án kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

1.2. Xây dựng dự thảo trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

1.3. Xây dựng phương án (kế hoạch), các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

1.4. Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống phần mềm phục vụ công tác kiểm kê đất đai năm 2024 (trên cơ sở hệ thống phần mềm kiểm kê năm 2019) nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện công tác kiểm kê đất đai năm 2019 và các năm thống kê đất đai 2020, 2021, 2022 và phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về đất đai trong giai đoạn hiện nay; hỗ trợ kỹ thuật các địa phương trong quá trình thực hiện kiểm kê đất đai.

1.5. Tổ chức hội nghị triển khai, tập huấn, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương trong cả nước tổ chức, triển khai thực hiện; tuyên truyền công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

1.6. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của các địa phương trong cả nước.

1.7. Tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai chuyên đề:

a) Điều tra, khoanh vẽ kiểm kê đất đai chuyên đề về tình hình quản lý, sử dụng đất sân gôn (golf); cảng hàng không, sân bay; khu vực có nguy cơ sạt lở, bồi đắp và các chuyên đề khác theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nếu có).

b) Tổng hợp số liệu và xây dựng các báo cáo kiểm kê đất đai chuyên đề.

c) Xây dựng các báo cáo kiểm kê đất đai chuyên đề.

d) Tích hợp số liệu, dữ liệu đất trồng lúa từ kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 cấp xã vào cơ sở dữ liệu hiện trạng đất trồng lúa do Trung ương quản lý.

1.8. Thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cả nước:

a) Tổng hợp số liệu của các địa phương, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

b) Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 của các vùng và cả nước;

1.9. Xây dựng dữ liệu kiểm kê đất đai năm 2024 và cập nhật vào khối Cơ sở dữ liệu về thống kê, kiểm kê đất đai do Trung ương quản lý.

1.10. Tổng kết, công bố kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của cả nước.

## 2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

2.1. Bộ Quốc phòng: Chủ trì tổ chức thực hiện việc kiểm kê đất quốc phòng; phối hợp với Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, thống nhất số liệu đất quốc phòng theo từng địa bàn; tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê đất quốc phòng về Bộ Tài nguyên và Môi trường;

2.2. Bộ Công an: Chủ trì tổ chức thực hiện việc kiểm kê đất an ninh; phối hợp với Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, thống nhất số liệu đất an ninh theo từng địa bàn; tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê đất an ninh về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## 3. Nhiệm vụ thực hiện của địa phương

3.1. Xây dựng, ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện và phương án, kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024;

3.2. Tổ chức lực lượng thực hiện và bố trí kinh phí để thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 ở các cấp theo quy định của pháp luật về ngân sách;

3.3. Tổ chức tập huấn cho các lực lượng tham gia thực hiện ở các cấp; chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng việc thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 ở địa phương;

3.4. Chuẩn bị bản đồ, tài liệu và tổng hợp các trường hợp biến động đã thực hiện xong thủ tục hành chính về đất đai ở các cấp từ năm 2019 đến năm 2024 để phục vụ cho điều tra kiểm kê;

3.5. Tổ chức thực hiện điều tra, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ và kiểm kê chuyên đề ở các cấp theo quy định;

3.6. Phối hợp với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an thực hiện kiểm tra, rà soát, thống nhất kết quả kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh;

3.7. Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của địa phương về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## VI. PHẠM VI THỰC HIỆN CỦA ĐỀ ÁN

Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 được thực hiện trên phạm vi cả nước, ở các cấp đơn vị hành chính (xã, huyện, tỉnh), các vùng kinh tế - xã hội và cả nước; trong đó cấp xã là đơn vị cơ bản thực hiện kiểm kê và là cơ sở để tổng hợp kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của các cấp huyện, tỉnh, các vùng và cả nước.

Tính đến ngày 01 tháng 01 năm 2023 cả nước hiện tại có 10.602 đơn vị hành chính cấp xã (xã, phường, thị trấn); 705 đơn vị hành chính cấp huyện (quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố); 06 vùng kinh tế - xã hội và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cụ thể như sau:

+ Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc có 14 tỉnh gồm: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tuyên Quang và Bắc Giang;

+ Vùng Đồng bằng Sông Hồng có 02 thành phố trực thuộc Trung ương và 09 tỉnh, gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình và Quảng Ninh;

+ Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có 01 thành phố trực thuộc Trung ương và 13 tỉnh, gồm: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế; Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Định, Ninh Thuận và Bình Thuận;

+ Vùng Tây Nguyên có 5 tỉnh gồm: Đắk Lắk, Đắk Nông, Kon Tum, Gia Lai và Lâm Đồng;

+ Vùng Đông Nam bộ có 01 thành phố trực thuộc Trung ương và 05 tỉnh, gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh và Bà Rịa - Vũng Tàu;

+ Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long có 01 thành phố trực thuộc Trung ương và 12 tỉnh, gồm: Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Long An, Bến Tre, Cần Thơ, Hậu Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu và Cà Mau.

# **VII. THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

Thời gian thực hiện: năm 2023 - 2025, chia thành 02 giai đoạn:

## 1. Giai đoạn chuẩn bị:

Thực hiện trong năm 2023 và năm 2024; hoàn thành trước ngày 01 tháng 8 năm 2024.

## 2. Giai đoạn thực hiện Đề án:

Thực hiện từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 đến tháng 10 năm 2025, trong đó:

(1) Cấp xã thực hiện và hoàn thành trước ngày 16 tháng 01 năm 2025;

(2) Cấp huyện hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2025;

(3) Cấp tỉnh hoàn thành trước ngày 16 tháng 4 năm 2025;

(4) Các vùng và cả nước hoàn thành trước ngày 16 tháng 6 năm 2025;

(5) Xây dựng dữ liệu kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 các vùng và cả nước hoàn thành trước tháng 8 năm 2025;

(6) Tổng kết, công bố kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 hoàn thành trong tháng 10 năm 2025.

## 3. Kế hoạch thực hiện Đề án

## *3.1. Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ tại Trung ương*

| Nôi dung công việc | Kế hoạch thực hiện |
| --- | --- |
| Giai đoạn I: Công tác chuẩn bị Đề án |  |
| 1. Phê duyệt Đề án kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 | Trước tháng 7/2024 |
| 2. Xây dựng dự thảo trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 | Trước tháng 7/2024 |
| 3. Xây dựng phương án (kế hoạch), các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 | Trước tháng 7/2024 |
| 4. Nâng cấp hoàn thiện các công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác kiểm kê đất đai | Từ tháng 01/2024 đến tháng 05/2024 |
| 5. Hỗ trợ kỹ thuật và vận hành hệ thống phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai năm 2024. | Từ tháng 06/2024 đến tháng 12/2025 |
| Giai đoạn II: Thực hiện Đề án kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 |  |
| 1. Tổ chức hội nghị triển khai, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho các Bộ, ban, ngành có liên quan và địa phương. | Trước tháng 7/2024 |
| 2. Tuyên truyền công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên các phương tiện thông tin đại chúng. | Từ tháng 01/2024 đến tháng 11/2025 |
| 3. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 | Từ tháng 07/2024 đến tháng 6/2025 |
| 4. Tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai chuyên đề : Điều tra, khoanh vẽ; tổng hợp số liệu; xây dựng các báo cáo kiểm kê đất đai chuyên đề về tình hình quản lý, sử dụng đất sân gôn (golf), cảng hàng không, sân bay, khu vực có nguy cơ sạt lở, bồi đắp và các chuyên đề khác theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nếu có). | Từ tháng 7/2024 đến tháng 6/2025 |
| 5. Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024: tổng hợp số liệu diện tích đất đai các vùng và cả nước; lập bản đồ hiện trạng các vùng và cả nước; xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 của các vùng và cả nước. | Từ tháng 4/2025 đến tháng 6/2025 |
| 6. Xây dựng dữ liệu kiểm kê đất đai năm 2024 và cập nhật vào khối Cơ sở dữ liệu về thống kê, kiểm kê đất đai do Trung ương quản lý. | Từ tháng 4/2025 đến tháng 9/2025 |
| 7. Tổng kết, công bố kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 | Tháng 10 năm 2025 |

## *3.2. Kế hoạch thực hiện tại các địa phương*

Các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng phương án và lập kế hoạch thực hiện kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên cơ sở Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

# **PHẦN 2: NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

# **I. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG THÔNG TIN, TƯ LIỆU, TÀI LIỆU**

## 1. Tài liệu, số liệu kết quả thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

## *1.1. Tài liệu, số liệu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019*

1.1.1. Về số liệu

- Về chỉ tiêu loại đất: có 77 chỉ tiêu loại đất chính (59 chỉ tiêu chi tiết và 16 chỉ tiêu tổng hợp), cụ thể như sau: Đất nông nghiệp (18 chỉ tiêu chi tiết và 9 chỉ tiêu tổng hợp; đất phi nông nghiệp (38 chỉ tiêu chi tiết và 06 chỉ tiêu tổng hợp); đất chưa sử dụng (3 chỉ tiêu chi tiết và 01 chỉ tiêu tổng hợp) và kiểm kê một số chỉ tiêu quan sát như đất đô thị; đất khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; đất khu dân cư nông thôn; đất khu công nghệ cao; đất khu kinh tế; đất có mặt nước ven biển quan sát;… theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT. Đồng thời đã thực hiện kiểm kê chi tiết một số loại đất theo Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày17 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1762/QĐ-BTNMT ngày  
14 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường như: tình hình quản lý, sử dụng đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại; đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất do các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp cổ phần hóa quản lý sử dụng; đất do các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông lâm nghiệp sử dụng; đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã); đất sạt lở, bồi đắp; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; diện tích các đảo làm cơ sở để thực hiện các biện pháp tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Về đơn vị hành chính[[1]](#footnote-1): 10.646 xã, phường, thị trấn; 708 huyện, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố, thị xã, quận; 06 vùng địa lý tự nhiên - kinh tế và cả nước;

- Về tổng diện tích[[2]](#footnote-2): Tổng diện tích tự nhiên của cả nước là 33.131.716 ha, trong đó đất nông nghiệp 27.986.390 ha, chiếm 84,47% diện tích tự nhiên của cả nước; đất phi nông nghiệp 3.914.508 ha, chiếm 11,81% diện tích tự nhiên của cả nước; đất chưa sử dụng 1.230.815 ha, chiếm 3,71 %; ngoài ra trong kỳ kiểm kê đất đai trong năm 2019 đã tổng hợp được một số chỉ tiêu quan sát như: đất có mặt nước ven biển quan sát 406.338 ha.

Nhìn chung số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 có chất lượng cao hơn so với các kỳ kiểm kê đất đai trước đây do: (1) đặc biệt chú trọng khâu điều tra xác định loại đất, đối tượng sử dụng đất để khoanh vẽ tại thực địa; (2) khâu biên tập bản đồ kiểm kê và tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai từ cấp xã (bản đồ kiểm kê dạng số được lập trên cơ sở bản đồ địa chính, chiếm trên 77% tổng diện tích cả nước); (3) nhiều địa phương đã sử dụng ảnh viễn thám để kiểm tra, đối soát khâu điều tra, khoanh vẽ ngoài thực địa; (4) số liệu diện tích các loại đất, số liệu các bảng biểu cấp xã được được tổng hợp tự động bằng phần mềm TK-Desktop; (5) việc tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai cấp huyện, tỉnh được tổng hợp trên phần mềm TK-Online hoàn toàn tự động đã tổng hợp với độ chính xác cao hơn, đồng thời tăng cường tính minh bạch và khoa học của số liệu kiểm kê đất đai năm 2019.

1.1.2. Về bản đồ:

Trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 đã lập được hệ thống bản đồ hiện trạng sử dụng đất dạng số ở dạng số định dạng \*.dgn ở tất cả các cấp xã, huyện, tỉnh, các vùng kinh tế - xã hội và cả nước; trong đó:

- Cả nước: Lập ở tỷ lệ 1:1.000.000 trên cơ sở tổng hợp từ các bản đồ hiện trạng sử dụng đất của 06 vùng kinh tế - xã hội.

- Cấp vùng (06 vùng kinh tế - xã hội): Lập ở tỷ lệ 1:250.000 trên cơ sở tổng hợp từ các bản đồ hiện trạng sử dụng đất của các tỉnh.

- Cấp tỉnh (63 đơn vị hành chính cấp tỉnh): Lập ở các tỷ lệ từ 1/25.000 đến 1/100.000. Cụ thể như sau:

+ Tỷ lệ 1:25.000 có 03 tỉnh, gồm: Bắc Ninh, Hưng Yên và Hà Nam;

+ Tỷ lệ 1:50.000 có 21 tỉnh, thành phố thành: Vĩnh Phúc, Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Đà Nẵng, Ninh Thuận, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng và Bạc Liêu;

+ Tỷ lệ 1:100.000 có 39 tỉnh, thành phố, gồm: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hoà Bình, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Lào Cai, Yên Bái, Bắc Giang, Quảng Ninh, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắc, Đăk Nông, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, An Giang, Kiên Giang và Cà Mau.

- Cấp huyện (708 đơn vị hành chính cấp huyện): Lập ở các tỷ lệ từ 1:5.000 đến 1:25.000;

- Cấp xã (10.646 đơn vị hành chính cấp xã): đã lập được 02 loại bản đồ, gồm:

+ Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã thành lập ở các tỷ lệ 1:1.000 đến 1:10.000;

+ Bản đồ kiểm kê đất đai.

## *1.2. Tài liệu, số liệu thống kê đất đai từ năm 2020 đến năm 2023*

Thực hiện Điều 34 của Luật Đất đai, từ năm 2020 đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cả nước tổ chức thực hiện đầy đủ các kỳ thống kê đất đai tính đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kết quả thống kê đất đai các năm 2020, 2021 và 2022 của các cấp được lập theo quy định về thống kê đất đai tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT.

Chất lượng số liệu thống kê đất đai định kỳ hàng năm của các cấp đã cơ bản được thực hiện theo đúng các chỉ tiêu, biểu mẫu quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Do đó, bộ số liệu kết quả thống kê đất đai hàng năm của các cấp, các địa phương, nhất là bộ bản đồ kiểm kê đất đai năm 2019 của các địa phương đã được chỉnh lý hàng năm là tài liệu rất quan trọng, cần thiết, sẽ được kế thừa, sử dụng trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2024, nhằm đạt hiệu quả về thời gian, nội dung, nhân lực và kinh phí thực hiện.

Tuy nhiên, số liệu thống kê đất đai của các năm của một số địa phương vẫn còn một số tồn tại cần được tiếp tục chỉ đạo khắc phục trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2024 như: thống kê chưa đúng loại đất hoặc chưa đúng đối tượng sử dụng, nhập dữ liệu trùng, sót; báo cáo kết quả thống kê của một số địa phương vẫn còn mang tính hình thức, chưa đánh giá đầy đủ những mặt đạt được và những tồn tại trong công tác quản lý đất đai, chưa có những đề xuất, kiến nghị cụ thể về những biện pháp khắc phục yếu kém, tồn tại trong công tác thống kê đất đai.

Việc kiểm kê đất đai năm 2024 sẽ kế thừa và sử dụng bản đồ kiểm kê đất đai năm 2019 đã được cập nhật, chỉnh lý trong các năm thống kê 2020, 2021 và 2022 để khoanh vẽ, chỉnh lý phục vụ cho tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai năm 2024.

## 2. Bản đồ địa chính

Thực hiện Luật Đất đai, từ năm 1990 đến nay, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong cả nước đã tập trung chỉ đạo, đầu tư kinh phí, tổ chức thực hiện đo vẽ lập bản đồ địa chính theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường để phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về đất đai ở các cấp, nhất là việc cấp Giấy chứng nhận; xây dựng, chỉnh lý hồ sơ địa chính.

Theo báo cáo của các địa phương đến nay cả nước đã thực hiện đo vẽ bản đồ địa chính với tổng diện tích 24.901.000 ha (chiếm 75,3% tổng diện tích cả nước). Tổng số xã, phường, thị trấn đã có bản đồ địa chính là 10.283 xã (chiếm 92,1%), trong đó có 1.234 xã mới đo đạc được dưới 50% diện tích tự nhiên; 879 xã chưa có bản đồ địa chính.

Đối với các xã có bản đồ địa chính thành lập sau thời điểm lập bản đồ kiểm kê đất đai năm 2019 thì sử dụng bản đồ địa chính mới để điều tra kiểm kê đất đai năm 2024 theo quy định.

## 3. Cơ sở dữ liệu đất đai

Thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai, các địa phương đã chỉ đạo tập trung đẩy mạnh xây dựng, triển khai hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai. Hiện nay, trên cả nước có 450/705 đơn vị hành chính cấp huyện thuộc 45 tỉnh/thành phố đang vận hành, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai, trong đó:

- 231 huyện được đầu tư trong dự án Tăng cường Quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai;

- 219 huyện được đầu tư bằng các dự án khác.

Về tổ chức kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu: 63/63 tỉnh, thành phố đã tổ chức kết nối, chia sẻ CSDL quốc gia về đất đai với CSDL quốc gia về dân cư của 461/705 đơn vị cấp huyện, 6.198/10.599 đơn vị cấp xã; 63/63 tỉnh, thành phố kết nối với cổng dịch vụ công và tổ chức triển khai dịch vụ công, thanh toán trực tuyến; đồng thời, đã kết nối, liên thông giữa cơ quan Đăng ký đất đai với cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai cho 46/63 tỉnh, thành phố.

## 4. Bản đồ địa giới hành chính của đơn vị hành chính các cấp

Thực hiện Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính” các địa phương trong cả nước đã và đang tổ chức triển khai xây dựng bộ hồ sơ địa giới hành chính mới với độ chính xác cao để thay thế cho bộ hồ sơ địa giới thành lập theo Chỉ thị số 364-CT ngày 06 tháng 11 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng nhằm nâng cao chất lượng, xử lý khắc phục những tồn tại, hạn chế của bộ hồ sơ địa giới trước đây.

Kết quả thực hiện đến nay đã có 23 tỉnh, thành phố hoàn thành việc lập hồ sơ bản đồ địa giới hành chính mới (gồm TP. Cần Thơ, TP. Hải Phòng, Đồng Tháp, Đắk Nông, Kiên Giang, Trà Vinh, Bình Phước, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Hậu Giang, Đồng Nai, Lâm Đồng, Hà Giang, Ninh Thuận, Vĩnh Long, An Giang, Quảng Ninh, Cà Mau, Lạng Sơn, Tây Ninh, Khánh Hòa, Bắc Kạn, Bà Rịa-Vũng Tàu). Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương còn lại sẽ phải hoàn thành việc lập hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp trong năm 2023 theo Quyết định số 302/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc kéo dài thời gian thực hiện Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”.

Theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT, trước khi thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024, các địa phương phải sử dụng bản đồ địa giới hành chính mới thành lập theo Quyết định số 513/QĐ-TTg để thực hiện rà soát, chỉnh lý thống nhất đường địa giới hành chính các cấp trên bản đồ sử dụng cho kiểm kê phù hợp với bản đồ địa giới hành chính mới thành lập. Đối với những địa phương chưa hoàn thành xong việc thực hiện Quyết định số 513/QĐ-TTg thì sẽ căn cứ bản đồ địa giới hành chính thành lập theo Chỉ thị số 364-CT để rà soát, xác định, chỉnh lý đường địa giới trên bản đồ kiểm kê theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT.

**5. Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia**

Hiện nay cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng năm 2009 - 2012 phủ trùm khu vực nông thôn trên phạm vi các tỉnh thuộc các vùng (Đông bắc, Tây Bắc, Đồng bằng Sông Hồng, ven biển Miền Trung và vùng Đông Nam Bộ) ở tỷ lệ 1:10.000; các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long đã được xây dựng phủ trùm ở tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000; các khu vực đô thị thuộc các tỉnh miền núi, Tây Nguyên đã được xây dựng ở tỷ lệ 1:5.000; các khu vực đô thị, khu vực công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm thuộc các tỉnh đồng bằng đã được xây dựng ở tỷ lệ 1:2.000; riêng thành phố Hà Nội xây dựng phủ kín ở tỷ lệ 1:2.000 và 1:5.000 từ năm 2015 - 2019 (trừ Thị xã Sơn Tây năm 2011) và phủ trùm phạm vi toàn quốc ở các dãy tỷ lệ 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000, 1:250.000, 1:1.000.000.

Từ năm 2021 đến nay cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000 đã được cập nhật, bổ sung 05 tỉnh: Hà Nội, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế.

**6. Dữ liệu viễn thám**

***6.1. Dữ liệu tại trạm thu:***

Để phục vụ phát triển kinh tế -xã hội và an ninh – quốc phòng, Nhà nước đã quan tâm đầu tư tập trung mua trực tiếp dữ liệu ảnh viễn thám độ phân giải cao và siêu cao từ nước ngoài trong giai đoan trước năm 2006 và cũng như đầu tư xây dựng hệ thống thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám để cung cấp cho người sử dụng ở Việt Nam.

Đến cuối năm 2021, Trạm thu ảnh viễn thám đã được nâng cấp để thu nhận và xử lý tín hiệu vệ tinh SPOT 6, trong khuôn khổ Tiểu dự án 3 “Xây dựng hệ thống giám sát biến động bờ sông, bờ biển khu vực đồng bằng sông Cửu Long” thuộc dự án “Chống chịu khí hậu tổng hợp và Sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long” do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì. Dự án cũng được bố trí kinh phí để thu tín hiệu từ vệ tinh SPOT6 trong 01 năm. Trạm thu ảnh viễn thám đã thực hiện thu nhận 02 lần dữ liệu ảnh viễn thám SPOT6 phủ trùm lãnh thổ Việt Nam. Kết quả đã thu nhận 2692 dải ảnh (datastrip), tương ứng với 4196 cảnh ảnh (scene) SPOT6/7. Số lượng dải ảnh độ phủ mây lượng < 10% là 401 dải ảnh tương ứng 787 cảnh ảnh độ phủ mây < 10% với diện tích 2.819.044 km2.

***6.2. Dữ liệu ảnh vệ tinh độ phân giải từ 10m-15m được cung cấp miễn phí trên mạng Internet:***

Dữ liệu ảnh vệ tinh Landsat được cung cấp miễn phí bởi Cục Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ - United States Geological Survey (USGS), một cơ quan khoa học của chính phủ liên bang Hoa Kỳ. Hiện tại ảnh Landsat 8 với độ phân giải 15m có thể tải miễn phí tại khu vực Việt Nam với chu kỳ chụp lặp là 16 ngày.

Dữ liệu ảnh vệ tinh Sentinel được cung cấp miễn phí bởi Cơ quan Vũ trụ Châu Âu (European Space Agency – ESA).

- Sentinel-1A là vệ tinh đầu tiên trong loạt vệ tinh thuộc chương trình Copernicus, đã được lên quỹ đạo ngày 03/04/2014. Hiện nay đã có vệ tinh Sentinel-1A , Sentinel-1B và Sentinel 2A, Sentinel 2B.

Vệ tinh Sentinel-1 mang bộ cảm siêu cao tần kênh C, với độ phân giải không gian 10m, được cung cấp miễn phí trên mạng với chu kỳ chụp ngắn 12 ngày. Tư liệu Sentinel-1 không bị ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết, có thể thu nhận tín hiệu cả ngày và đêm nên rất thuận tiện cho việc nghiên cứu, giám sát đối tượng lớp phủ, đặc biệt với những khu vực nhiệt đới gió mùa như ở Việt Nam. Tại Việt Nam hiện nay có một số nghiên cứu khai thác tư liệu Sentinel-1 như nghiên cứu khả năng chiết tách nước bề mặt từ tư liệu ảnh Sentinel-1, nghiên cứu thành lập bản đồ ngập lụt từ tư liệu ảnh RADAR, giám sát sự biến động của các vùng đất ngập nước với khu vực thử nghiệm là khu vực U Minh Thượng.

- Vê ̣tinh Sentinel-2, bao gồm 2 vê ̣tinh có đăc ̣ điểm hoàn toàn giống nhau sau khi đươc phóng lên quỹ đạo năm 2015 (Sentinel 2A) và 2017 (Sentinel 2B) đã cung cấp ảnh quang học ở 13 kênh phổ trong dải sóng nhìn thấy và hồng ngoai ṿới chu kỳ câp nhât trong 5 ngày.

Hiện tại có thể tải ảnh Sentinel miễn phí tại khu vực Việt Nam từ năm 2015- đến nay.

**7. Hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai**

***Về hạ tầng công nghệ thông tin:***

Qua quá trình vận hành hệ thống phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai để thực hiện kiểm kê đất đai năm 2019 và các năm thống kê 2020, 2021, 2022, hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin tại Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai hiện nay được đánh giá chưa đáp ứng được yêu cầu, còn thiếu tài nguyên phần cứng và không đủ các điều kiện để vận hành hệ thống (điện dự phòng, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hiệu năng máy chủ, thiết bị lưu trữ, hệ thống an ninh bảo mật dữ liệu...).

Quá trình thực hiện kỳ kiểm kê 2019 do Tổng cục Quản lý đất đai trước đây (nay là Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai) thực hiện đã đưa ra giải pháp thuê hệ thống: máy chủ ứng dụng, máy chủ database, máy chủ quản lý file và máy chủ quản lý backup, Thuê băng thông đường truyền mạng.

***Về hệ thống phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai***

Hệ thống phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai đã được nâng cấp năm 2019 theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, trong quá trình vận hành, phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai (TK ONLINE và TK DESKTOP) bước đầu đã đáp ứng được các yêu cầu đề ra trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 và các năm thống kê 2020, 2021, 2022. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng phần mềm vào công tác thống kê, kiểm kê đất đai còn một số hạn chế như sau:

* Về khối lượng số liệu, dữ liệu thống kê kiểm kê: hệ thống phục vụ công tác thống kê đất đai hàng năm của cả nước tăng trưởng nhanh số liệu, dữ liệu gây nên hiện tượng quá tải trong công tác báo cáo, tổng hợp số liệu.
* Về hạ tầng vận hành hệ thống: hạ tầng phục vụ vận hành chỉ được phê duyệt kinh phí thuê trong năm 2020 do đó việc vận hành hệ thống các năm 2021, 2022 gặp nhiều khó khăn.
* Về hỗ trợ kỹ thuật trong kỳ thống kê, kiểm kê đất đai chỉ được phê duyệt kinh phí trong năm 2020 do đó việc hỗ trợ thường xuyên hệ thống trong các năm 2021, 2022 còn hạn chế, nhiều vướng mắc chưa được khắc phục.
* Về bảo trì, cập nhật hệ thống phần mềm: trong quá trình vận hành hệ thống, các chỉ tiêu báo cáo, số liệu tổng hợp phục vụ quản lý nhà nước về đất đai có sự thay đổi nhưng không có kinh phí để cập nhật bổ sung.
* Hệ thống phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai năm 2019 chưa đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, an toàn cấp độ 3 theo tiêu chí xác định cấp độ tại Điểm c, Khoản 2, Điều 9, Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về Đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và theo phụ luc 03 của Thông tư 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 về “Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ” về quản lý vận hành hệ thống.

Để chuẩn bị cho việc kiểm kê đất đai năm 2024, đồng thời đáp ứng Luật đất đai (sửa đổi) sau khi Quốc hội thông qua, có hiệu lực thi hành thì việc xây dựng các chỉ tiêu quản lý, sử dụng đất nhằm đảm bảo theo yêu cầu quản lý nhà nước về đất đai cần phải rà soát, bổ sung các chỉ tiêu mới và nâng cấp, bổ sung các chức năng phần mềm để đáp ứng yêu cầu.

# **II. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

## 1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

***1.1. Xây dựng Đề án kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.***

- Điều tra, thu thập, phân tích, đánh giá, tổng hợp thông tin, số liệu, bản đồ, điều kiện trang thiết bị ở các cấp phục vụ lập Đề án.

- Nghiên cứu, phân tích, đánh giá các quy trình công nghệ, các thiết bị và phương pháp kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất có thể áp dụng, xây dựng và lựa chọn quy trình công nghệ phù hợp.

- Xác định khối lượng các hạng mục công việc, tính dự toán kinh phí thực hiện Đề án.

- Hoàn thiện dự thảo Đề án kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

- Thẩm định Đề án.

- Chỉnh sửa, hoàn thiện Đề án.

- Trình và phê duyệt Đề án.

***1.2. Xây dựng văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024***

- Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024;

- Xây dựng phương án, kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 và xây dựng hệ thống bảng biểu và tài liệu hướng dẫn kiểm kê chuyên đề.

***1.3. Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống phần mềm phục vụ công tác kiểm kê đất đai năm 2024 (trên cơ sở hệ thống phần mềm kiểm kê năm 2019)***

(1) Nâng cấp, hoàn thiện phần mềm TKDesktop phục vụ kiểm kê đất đai 2024:

Nâng cấp, hoàn thiện phần mềm TKDesktop với các nhóm chức năng chính: lập bản đồ kiểm kê đất đai; tổng hợp số liệu thống kê, kiểm kê đất đai định kỳ; lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã; lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện, tỉnh, các vùng và cả nước; lập bản đồ kiểm kê đất đai chuyên đề; tổng hợp số liệu thống kê, kiểm kê đất đai chuyên đề.

(2) Nâng cấp, hoàn thiện phần mềm TKOnline phục vụ kiểm kê đất đai 2024:

Nâng cấp, hoàn thiện phần mềm TKOnline với các nhóm chức năng chính: tích hợp bộ dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp xã; tích hợp hệ thống bản đồ kiểm kê, bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp; phục vụ thống kê, kiểm kê đất đai cấp huyện, cấp tỉnh, cấp vùng và cả nước; quản lý, khai thác dữ liệu bản đồ kiểm kê, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bộ số liệu các cấp trong cả nước. lập bản đồ kiểm kê đất đai chuyên đề; tổng hợp số liệu thống kê, kiểm kê đất đai chuyên đề.

(3) Thuê hạ tầng phục vụ vận hành hệ thống phần mềm thống kê kiểm kê đất đai

(4) Mua bản quyền công nghệ nền GIS và hệ quản trị cơ sở dữ liệu để vận hành phần mềm TKOnline

(5) Hỗ trợ kỹ thuật trong kỳ thống kê kiểm kê.

***1.4. Tổ chức hội nghị triển khai, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho các bộ, ban, ngành có liên quan và các địa phương***

- Thời gian dự kiến trong tháng 5-6 năm 2024.

- Địa điểm:

(1) Phía Bắc: tổ chức tại tỉnh Quảng Ninh (bao gồm 31 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương toàn bộ các tỉnh phía Bắc đến tỉnh Thừa Thiên Huế).

(2) Phía Nam tổ chức tại tỉnh Khánh Hòa (bao gồm 32 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương toàn bộ các tỉnh, thành phố từ thành phố Đà Nẵng trở vào).

- Thành phần gồm: Đại diện các Bộ, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (lãnh đạo UBND và Sở Tài nguyên và Môi trường).

- Nội dung tập huấn gồm: Quán triệt nội dung tổ chức, triển khai thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

***1.5. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.***

***1.6. Thực hiện kiểm tra, đối soát kết quả thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các địa phương.***

***1.7. Tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai chuyên đề***

- Điều tra, khoanh vẽ kiểm kê đất đai chuyên đề về tình hình quản lý, sử dụng đất sân gôn (golf); cảng hàng không, sân bay; khu vực có nguy cơ sạt lở, bồi đắp và các chuyên đề khác theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nếu có).

- Tổng hợp số liệu về tình hình quản lý, sử dụng đất chuyên đề.

- Xây dựng các báo cáo kiểm kê đất chuyên đề.

- Tích hợp số liệu, dữ liệu đất trồng lúa từ kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 cấp xã vào cơ sở dữ liệu hiện trạng đất trồng lúa do Trung ương quản lý.

***1.8. Tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp vùng và cả nước năm 2024:***

(1) Tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai cấp vùng và cả nước năm 2024

- Tiếp nhận, kiểm tra kết quả kiểm kê đất đai của cấp tỉnh

+ Kiểm tra kết quả kiểm kê đất đai của cấp tỉnh;

+ Hướng dẫn, rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện số liệu, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai;

- Tiếp nhận hồ sơ kết quả kiểm kê đất đai của cấp tỉnh giao nộp.

- Tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai của cấp vùng và cả nước năm 2024

+ Rà soát, xử lý số liệu các khu vực tranh chấp, chồng, hở địa giới hành chính đối với cấp tỉnh;

+ Tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai của các vùng kinh tế - xã hội;

+ Tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai cả nước.

(2) Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp vùng và cả nước năm 2024

- Tiếp nhận, kiểm tra bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp tỉnh

+ Kiểm tra bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp tỉnh;

+ Hướng dẫn, rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp vùng và cả nước năm 2024

+ Rà soát, xử lý các khu vực tranh chấp, chồng, hở địa giới hành chính đối với bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh;

+ Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp vùng kinh tế - xã hội năm 2024;

+ Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất cả nước năm 2024.

(3) Xây dựng các báo cáo về kiểm kê đất đai năm 2024.

***1.9 Tổng kết, công bố kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024*** ***và kiểm kê đất chuyên đề.***

Xây dựng báo cáo tổng kết kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024;

Tổ chức Hội nghị tổng kết, đánh giá kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 và kiểm kê đất chuyên đề.

In, nhân sao phát hành bộ số liệu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cả nước;

Công bố số liệu kiểm kê đất đai năm 2024.

## 2. Bộ Quốc phòng

Chủ trì tổ chức thực hiện việc kiểm kê đất quốc phòng; phối hợp với Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, thống nhất số liệu đất quốc phòng theo từng địa bàn; tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê đất quốc phòng về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## 3. Bộ Công an

Chủ trì tổ chức thực hiện việc kiểm kê đất an ninh; phối hợp với Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, thống nhất số liệu đất an ninh theo từng địa bàn; tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê đất an ninh về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## 4. Ủy ban nhân dân các cấp

## *4.1. Cấp tỉnh*

- Xây dựng, ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện và phương án, kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024;

- Thành lập Ban chỉ đạo kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024; phân công trách nhiệm các ngành, các cấp và chuẩn bị nhân lực, vật tư, trang thiết bị;

- Thu thập, lựa chọn tài liệu, dữ liệu, bản đồ phục vụ cho công tác kiểm kê đất đai;

- Rà soát phạm vi ranh giới hành chính của cấp tỉnh để xác định các khu vực còn tranh chấp, không thống nhất giữa hồ sơ địa giới với thực địa và làm việc với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan để thống nhất xác định phạm vi, trách nhiệm thực hiện kiểm kê của các bên; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp huyện, xã thực hiện kiểm kê;

- Tổ chức hội nghị triển khai, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho các lực lượng tham gia thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của các cấp;

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024;

- Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp các trường hợp biến động đất đai đã thực hiện xong thủ tục hành chính về đất đai trong kỳ kiểm kê đất đai (từ năm 2019 đến năm 2024) gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện kiểm kê;

- Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn cấp huyện, cấp xã trong quá trình thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp tỉnh bao gồm:

+ Kiểm tra việc thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trong quá trình thực hiện và kiểm tra kết quả của các cấp huyện, xã trước khi tiếp nhận;

+ Phối hợp với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an thực hiện kiểm kê và kiểm tra, rà soát, xử lý thống nhất kết quả kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh đối với từng điểm đóng quân của đơn vị quốc phòng, an ninh chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp;

+ Tiếp nhận, xử lý số liệu của cấp huyện, tổng hợp số liệu của cấp tỉnh;

+ Xây dựng các báo cáo kết quả kiểm kê đất đai định kỳ năm 2024 của cấp tỉnh theo quy định;

+ Lập bản đồ hiện trạng và xây dựng báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của cấp tỉnh.

- Kiểm tra, nghiệm thu kết quả kiểm kê đất đai của cấp tỉnh;

- Tổng kết, báo cáo, in, sao, đóng gói, lưu trữ kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

## *4.2. Cấp huyện*

a) Xây dựng, ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện và phương án, kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024 phù hợp với phương án, kế hoạch và phân cấp ngân sách thực hiện của cấp tỉnh;

b) Phân công trách nhiệm các ngành, các cấp và chuẩn bị nhân lực, vật tư, trang thiết bị phục vụ cho kiểm kê đất đai năm 2024;

c) Thu thập, lựa chọn tài liệu, dữ liệu, bản đồ phục vụ cho kiểm kê đất đai;

d) Phổ biến, quán triệt và tuyên truyền việc thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 ở địa phương;

đ) Rà soát phạm vi ranh giới hành chính của cấp huyện để xác định các khu vực còn tranh chấp, không thống nhất giữa hồ sơ địa giới với thực địa và làm việc với Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan để thống nhất xác định phạm vi, trách nhiệm thực hiện kiểm kê của các bên; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp xã thực hiện kiểm kê;

e) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp các trường hợp biến động đất đai đã thực hiện xong thủ tục hành chính về đất đai trong kỳ kiểm kê đất đai (từ năm 2019 đến năm 2024) gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện kiểm kê;

g) Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn cấp cấp xã trong quá trình thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024;

h) Tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp huyện bao gồm:

- Kiểm tra việc thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trong quá trình thực hiện và kiểm tra kết quả của các cấp xã trước khi tiếp nhận;

- Tiếp nhận, xử lý số liệu của cấp xã và tổng hợp số liệu của cấp huyện;

- Xây dựng các báo cáo kết quả kiểm kê đất đai định kỳ năm 2024 của cấp huyện theo quy định;

- Lập bản đồ hiện trạng và xây dựng báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của cấp huyện;

i) Kiểm tra, nghiệm thu kết quả kiểm kê đất đai của cấp huyện;

k) Báo cáo kết quả và in, sao, đóng gói, lưu trữ kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

## *4.3. Cấp xã*

a) Xây dựng phương án, kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024 phù hợp với phương án, kế hoạch thực hiện của các cấp tỉnh, huyện;

b) Chuẩn bị nhân lực, vật tư, trang thiết bị, tài chính phục vụ cho kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của cấp xã; phân công trách nhiệm cho các lực lượng tham gia thực hiện;

c) Thu thập, tiếp nhận, lựa chọn tài liệu, số liệu phục vụ công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của cấp xã;

d) Rà soát phạm vi ranh giới hành chính các cấp trên bản đồ sử dụng cho điều tra kiểm kê để chỉnh lý thống nhất với bản đồ biên giới, địa giới mới nhất đã được phê duyệt; xác định các khu vực còn tranh chấp, không thống nhất giữa hồ sơ địa giới với thực địa và làm việc với Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan để thống nhất xác định phạm vi, trách nhiệm thực hiện kiểm kê của các bên;

đ) In ấn tài liệu phục vụ cho kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp xã;

e) Tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai ở cấp xã;

g) Điều tra, khoanh vẽ, lập bản đồ kiểm kê đất đai theo quy định;

h) Tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai của cấp xã;

i) Xây dựng các báo cáo kết quả kiểm kê đất đai định kỳ, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai chuyên đề năm 2024 theo quy định;

k) Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và xây dựng báo cáo thuyết minh lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của cấp xã;

l) Kiểm tra, nghiệm thu kết quả kiểm kê đất đai; in, sao, đóng gói, lưu trữ, giao nộp kết quả kiểm kê đất đai.

**III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 được thực hiện theo quy định tại Thông tư 27/2018/TT-BTNMT; trong đó phải khoanh vẽ tất cả các khoanh đất theo từng loại đất của từng đối tượng sử dụng đất, đối tượng quản lý đất cần kiểm kê trong phạm vi hành chính từng xã, phường, thị trấn lên bản đồ kiểm kê đất đai để bảo đảm tổng hợp đầy đủ số liệu kiểm kê đất đai.

## 1. Về tổ chức thực hiện

- Bộ Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn xử lý khó khăn, vướng mắc về thực hiện nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

- Đối với các địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các ngành tổ chức thực hiện nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn.

- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an: Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh theo quy định.

## 2. Về nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực thực hiện Đề án chủ yếu là cán bộ công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp có liên quan. Tùy theo điều kiện cụ thể, trong quá trình thực hiện, các địa phương có thể huy động thêm nhân lực có chuyên môn phù hợp để thực hiện, nhằm đảm bảo chất lượng và hoàn thành đúng thời gian yêu cầu. Trong đó:

a) Nguồn nhân lực tại cơ quan Trung ương

- Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện công tác kiểm kê đất đai của cả nước do Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai, trong đó:

+ Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học chiếm khoảng 97%;

+ Cán bộ có trình độ cao đẳng và trung học chuyên nghiệp chiếm khoảng 3%.

- Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp: Vụ Kế hoạch-Tài chính, Vụ Đất đai, Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Cục Viễn thám quốc gia, Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị khác có liên quan.

b) Nguồn nhân lực tại địa phương

Công tác kiểm kê đất đai lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 ở các địa phương được huy động chủ yếu từ các đơn vị quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường như: Chi cục Quản lý đất đai, Phòng Quản lý đất đai, Phòng Đăng ký đất đai, Phòng đo đạc bản đồ và Viễn thám, Văn Phòng Đăng ký và Thống kê đất đai,… các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường như: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm Phát triển quỹ đất, Trung tâm Công nghệ thông tin, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện; công chức địa chính xã.

## 3. Về hạ tầng và công nghệ

## *3.1. Hạ tầng trang thiết bị*

Để phục vụ cho việc vận hành hệ thống phần mềm kiểm kê đất đai năm 2024 và thống kê đất đai các năm tiếp theo, dự kiến sẽ thuê hạ tầng công nghệ thông tin để đảm bảo vận hành hệ thống phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai được ổn định, an ninh bảo mật và duy trì thường xuyên 24/7.

## *3.2. Công nghệ*

Hệ thống phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai được xây dựng trên nền tảng GIS, phù hợp với Kiến trúc Chính phủ điện tử ngành Tài nguyên và Môi trường 2.0 (theo Quyết định 3196/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 12 năm 2019).

Hệ thống phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai hỗ trợ lập bản đồ kiểm kê đất đai năm 2024 dạng số cấp xã, tính toán diện tích; tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp năm 2024.

Qua phân tích đánh giá , sai số ảnh SPOT 6, 7 sau khi nắn chỉnh, độ chính xác hình học đạt trung bình từ 0,4m đến 1,6 m đảm bảo yêu cầu độ chính xác của bản đồ tỷ lệ 1/5.000 và 1/10.000 (0,2mm x tỷ lệ bản đồ) độ rõ nét của ảnh (phổ ảnh) đảm bảo độ rõ nét điều vẽ tất cả các đối tượng có kích thước từ 2m trở lên. Ảnh SPOT 6,7 đã được sử dụng trong Dự án “Thành lập bình đồ ảnh viễn thám phục vụ kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019”.

## 4. Về tài chính

Kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành do ngân sách nhà nước bảo đảm, trong đó: Ngân sách trung ương bảo đảm các nhiệm vụ do các Bộ, cơ quan Trung ương thực hiện; ngân sách địa phương bảo đảm các nhiệm vụ do các cấp tỉnh, huyện, xã thực hiện theo phân cấp hiện hành; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí kinh phí để thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 ở địa phương.

Đối với các tỉnh không cân đối đủ kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 thì báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp gửi Bộ Tài chính thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

## IV. SẢN PHẨM THỰC HIỆN

## 1. Sản phẩm do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện

## *1.1. Sản phẩm chính*

- Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện; xây dựng phương án (kế hoạch) và biểu mẫu kiểm kê chuyên đề.

- Bộ số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 của cả nước và 6 vùng kinh tế-xã hội.

- Bộ số liệu kiểm kê chuyên đề về tình hình quản lý, sử dụng đất sân gôn (golf); cảng hàng không, sân bay; khu vực có nguy cơ sạt lở, bồi đắp; dữ liệu đất trồng lúa đã được tích hợp vào cơ sở dữ liệu hiện trạng đất trồng lúa do Trung ương quản lý và các chuyên đề khác nếu có.

- Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 của cả nước và 6 vùng kinh tế-xã hội.

- Báo cáo kết quả kiểm kê chuyên đề về tình hình quản lý, sử dụng đất sân gôn (golf); cảng hàng không, sân bay; khu vực có nguy cơ sạt lở, bồi đắp, tình hình sử dụng đất trồng lúa và các chuyên đề khác nếu có.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đẩt năm 2024 của cả nước ở tỷ lệ 1:1.000.000 (dạng giấy và dạng số), 6 vùng kinh tế-xã hội ở tỷ lệ 1:250.000 (dạng giấy và dạng số); thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất 6 vùng kinh tế-xã hội và cả nước năm 2024.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sân gôn (golf); cảng hàng không, sân bay; khu vực có nguy cơ sạt lở, bồi đắp; dữ liệu đất trồng lúa đã được tích hợp vào cơ sở dữ liệu hiện trạng đất trồng lúa do Trung ương quản lý và các chuyên đề khác.

- Phần mềm kiểm kê đất đai (trên cơ sở nâng cấp hệ thống phần mềm kiểm kê năm 2019) được chuyển giao, vận hành và sử dụng theo quy định.

- Báo cáo tổng kết kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

## *1.2 Sản phẩm trung gian*

(1) Các báo cáo gồm: Phân tích, đánh giá hiện trạng, cơ cấu sử dụng đất, tình hình sử dụng đúng mục đích, sai mục đích, tình hình tranh chấp…, đánh giá chỉ số bình quân tình hình sử dụng đất các vùng và cả nước; báo cáo phân tích, đánh giá biến động sử dụng đất đai qua các thời kỳ 05 năm, 10 năm các vùng và cả nước; báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất các vùng và cả nước; báo cáo đánh giá tác động của việc quản lý và sử dụng đất đai đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội các vùng và cả nước; báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất các vùng kinh tế - xã hội và cả nước.

(2) Bộ số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 của các vùng kinh tế - xã hội và cả nước.

## 2. Sản phẩm do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm gửi kết quả thống kê, kiểm kê định kỳ đất quốc phòng, đất an ninh ở từng địa phương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổng hợp; gửi kết quả thống kê, kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh trên phạm vi cả nước về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Kết quả kiểm kê định kỳ đất quốc phòng, đất an ninh bao gồm:

- Biểu số liệu hiện trạng sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh;

- Sơ đồ khoanh đất của từng điểm sử dụng đất quốc phòng, an ninh thuộc từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Báo cáo kết quả kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh.

## 3. Sản phẩm do Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện

## *3.1. Cấp tỉnh*

- Biểu số liệu kiểm kê đất đai kèm theo Báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh năm 2024;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo Báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh năm 2024;

- Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2024.

- Bộ số liệu kiểm kê chuyên đề cấp tỉnh.

## *2.2. Cấp huyện*

- Biểu số liệu kiểm kê đất đai kèm theo Báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất cấp huyện năm 2024;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo Báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện năm 2024;

- Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2024.

- Bộ số liệu kiểm kê chuyên đề cấp huyện.

## *2.3. Cấp xã*

- Bản đồ kiểm kê đất đai cấp xã file diện tích tạo vùng kết nối dữ liệu của bản đồ và Bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai;

- Bảng tổng hợp các trường hợp biến động trong kỳ kiểm kê đã được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

- Biểu số liệu kiểm kê đất đai kèm theo Báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất năm 2024;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo Báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024;

- Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2024.

- Bộ số liệu kiểm kê chuyên đề cấp xã.

# **Phần 3: DỰ TOÁN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN**

I. CƠ SỞ LẬP DỰ TOÁN

- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chỉnh phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;

- Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về Chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

- Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy trình và Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2015/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Quy trình và Định mức kinh tế - kỹ thuật chuyển giao công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 109/2016/BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia;

- Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

- Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính về quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 13/2019/TT-BTNMT ngày 7 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 20/2019/TT-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành quy trình kỹ thuật xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 sửa đổi, bổ sung khoản 9 điều 3 và mẫu số 01 kèm theo thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia;

- Quyết định số 2646/QĐ-BTNMT ngày 26/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Ban hành Quy đinh về tiêu chuẩn, mức chi công tác phí và chi hội nghị trong các đơn vị thuộc;

- Quyết định số 388/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ chuyên môn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Quyết định số 1776/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt “Danh mục nhiệm vụ chuyên môn mở mới năm 2024”;

- Các văn bản quy định về chế độ tài chính hiện hành có liên quan.

II. DỰ TOÁN CHI TIẾT

Tổng kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 là **1.374,868** tỷ đồng.

Bằng chữ: Một nghìn ba trăm bảy mươi bốn tỷ, tám trăm sáu mươi tám triệu đồng.

Trong đó:

- Kinh phí Trung ương thực hiện: 66,218 tỷ đồng.

- Kinh phí địa phương thực hiện: 1.308,650 tỷ đồng.

III. NGUỒN KINH PHÍ

Kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 do ngân sách nhà nước bảo đảm, trong đó:

- Ngân sách Trung ương bảo đảm các nhiệm vụ do các Bộ, cơ quan Trung ương thực hiện;

- Ngân sách địa phương bảo đảm các nhiệm vụ thực hiện ở các cấp tỉnh, huyện, xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

# **Phần 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## 1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Lập Đề án kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất toàn quốc năm 2024 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. Trên cơ sở Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Phương án (kế hoạch) kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

Chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương trong cả nước triển khai công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

Trong đó, Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể sau:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ; xây dựng, hoàn thiện phần mềm kiểm kê đất đai cung cấp cho các địa phương sử dụng; kiểm tra, đôn đốc các địa phương trong cả nước thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả theo đúng quy định.

- Phối hợp với Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam trong việc cung cấp bản đồ địa giới hành chính các cấp; kiểm tra, rà soát, cung cấp diện tích các khu vực còn tranh chấp địa giới hành chính cấp tỉnh tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2024.

- Phối hợp với Cục Viễn thám Quốc gia trong công tác kiểm kê đất đai chuyên đề sử dụng công nghệ viễn thám.

- Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong việc thực hiện kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh theo quy định.

## 2. Bộ Quốc phòng và Bộ Công an

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh để thống nhất số liệu phục vụ yêu cầu tổng hợp kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của từng địa phương; đồng thời, gửi báo cáo kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp theo quy định.

## 3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Cung cấp bản đồ, số liệu kết quả kiểm kê hiện trạng rừng và số liệu thống kê hiện trạng rừng năm gần nhất để phục vụ yêu cầu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024;

Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát số liệu kiểm kê rừng, thống kê hiện trạng rừng ở từng địa phương để bảo đảm thống nhất với số liệu kiểm kê đất đai năm 2024.

## 4. Bộ Tài chính

Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định nhu cầu kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các Bộ ngành ở Trung ương;

Xác định nhu cầu đề nghị hỗ trợ kinh phí của các địa phương trong việc thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

## 5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Căn cứ Đề án kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phương án (kế hoạch) kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Xây dựng phương án (kế hoạch) kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của địa phương;

- Bố trí kinh phí thực hiện, tổ chức chỉ đạo các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp huyện, xã thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ kịp thời khó khăn trong quá trình thực hiện;

- Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong việc kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh trong quá trình tổ chức, thực hiện kiểm kê đất đai;

- Tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra nghiệm thu kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của địa phương theo quy định;

- Chịu trách nhiệm trước Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thủ tướng Chính phủ về nội dung, chất lượng số liệu và thời gian thực hiện, hoàn thành, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 theo đúng quy định.

# **Phần 5: ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN**

# **I. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI**

Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá đúng thực trạng tình hình quản lý, sử dụng đất, nhằm khắc phục những hạn chế trong quản lý, sử dụng đất trên phạm vi toàn quốc, là cơ sở để xác định tính minh bạch trong quản lý, sử dụng đất và nâng cao vai trò quản lý Nhà nước về đất đai.

Kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 có vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực và hoạt động như:

- Cung cấp các chỉ tiêu để đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2025; điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 và xây dựng kế hoạch sử dụng đất 2026 -2030 của các cấp.

- Là tài liệu điều tra cơ bản về tài nguyên đất, giúp các ngành, các cấp có cơ sở đánh giá thực trạng quản lý và sử dụng đất, đưa ra các giải pháp quản lý và sử dụng quỹ đất một cách hiệu quả và hoạch định chiến lược phát triển của từng ngành, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, vùng và của từng địa phương.

- Là nguồn dữ liệu đầu vào trong việc tổng hợp, phân tích phục vụ xây dựng và thực hiện các dự án liên quan tới quản lý hoặc khai thác, sử dụng tài nguyên đất.

# **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG**

Kết quả kiểm kê đất đai 2024 đưa ra những số liệu cụ thể về hiện trạng quản lý, sử dụng đất đai trên phạm vi cả nước; giúp việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp một cách hiệu quả trong việc đưa ra các giải pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất đai.

Kết quả kiểm kê đất đai 2024 có tác động tích cực đến môi trường trong việc quản lý, sử dụng đất đúng mục đích, có sự kiểm soát của các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai nhằm bảo vệ tài nguyên đất hiệu quả và bền vững.

# **III. ĐÁNH GIÁ TÍNH BỀN VỮNG CỦA ĐỀ ÁN**

Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 là hoạt động định kỳ theo quy định của Luật Đất đai, đã được thực hiện đồng bộ từ cấp xã đến cấp Trung ương một cách nề nếp trong nhiều năm qua; công nghệ tin học đã được sử dụng phổ biến trong tổng hợp, phân tích số liệu diện tích đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất qua việc phát triển và sử dụng phần mềm tổng hợp diện tích đất đai, các phần mềm lập bản đồ dạng số như Microtation, Mapinfo,…, đặc biệt phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai (TK-Online, TK-Desktop). Kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 cũng như các công nghệ này sẽ được tiếp tục sử dụng, kế thừa, phát triển, nâng cấp, hoàn thiện trong thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất những năm tiếp theo.

# **IV. KHẢ NĂNG RỦI RO CỦA ĐỀ ÁN**

Một số yếu tố có thể làm ảnh hưởng đến tiến độ thời gian thực hiện của Đề án như:

- Việc bố trí kinh phí để thực hiện kiểm kê năm 2024 chưa kịp thời, khó khăn về nguồn vốn;

- Việc bố trí kinh phí cho nội dung nâng cấp, duy trì vận hành hệ thống phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai còn hạn chế, chưa đảm bảo trong quá trình nâng cấp, vận hành;

- Việc chỉ đạo thực hiện trong việc tổ chức triển khai kiểm kê đất đai tại một số địa phương còn chậm do khó khăn hoặc chậm phê duyệt kinh phí thực hiện nên ảnh hưởng đến tiến độ, tính đồng bộ và tính liên tục giữa các cấp;

- Sự phối hợp giữa các cấp chưa chặt chẽ, đồng bộ trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện, hoàn thiện và giao nộp sản phẩm theo quy định;

- Thời gian triển khai thực hiện kiểm kê đất đai trùng vào dịp nghỉ Tết Nguyên đán ảnh hưởng đến việc thực hiện ở các cấp, nhất là ở cấp xã.

*Các giải pháp khắc phục:*

- Có cơ chế để bảo đảm bố trí đủ ngân sách Nhà nước để thực hiện việc kiểm kê đất đai năm 2024; duy trì vận hành hệ thống phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện các đợt kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo đối với một số địa phương còn chậm để có hướng tháo gỡ kịp thời.

- Quy trình thực hiện và giao nộp sản phẩm cấp xã, huyện, tỉnh được giám sát chặt chẽ, có phương án giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh; xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai phù hợp, đáp ứng theo yêu cầu.

# **Phần 6: PHẦN PHỤ LỤC**

1. Theo báo cáo số 31/BC-BTNMT ngày 13/5/2021 về kết quả kiểm kê đất đai 2019 trình Thủ tướng Chính phủ [↑](#footnote-ref-1)
2. Quyết định 1435/QĐ-BTNMT ngày 22/7/2021 về việc phê duyệt và công bố kết quả kiểm kê diện tích đất đai năm 2019 [↑](#footnote-ref-2)